

QUAN HỆ THƯƠNG MẠI TRUNG QUỐC - ASEAN

*trong bối cảnh hình thành Khu vực mậu dịch tự do
Trung Quốc - ASEAN (CAFTA) và triển vọng*

PHẠM HỒNG YẾN

Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Ngày 4-11-2002 tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Trung Quốc lần thứ 6, hai bên đã chính thức ký kết “Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện”, trong đó đề cập tới việc thành lập khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN (CAFTA) vào năm 2010. Làm thế nào phát huy được những nhân tố có lợi, hạn chế những tác động tiêu cực của CAFTA, từ đó đánh giá tác động của nó đối với Việt Nam, quan hệ thương mại Việt-Trung trong bối cảnh CAFTA, tăng cường tận dụng những lợi ích do CAFTA đem lại để Việt Nam hội nhập thành công hơn trong khu vực và trên thế giới là rất cần thiết. Bên cạnh đó, khác với FTA giữa các nước ASEAN, FTA giữa Trung Quốc với các nước ASEAN là FTA giữa một nền kinh tế lớn với một nhóm các nền kinh tế vừa và nhỏ nhưng lại có kinh nghiệm về liên

kết khu vực và đang tiến lên một cấp độ liên kết cao hơn, đó là thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Một FTA như vậy là sự phát triển tất yếu của quan hệ kinh tế Trung Quốc-ASEAN hay chỉ là quyết tâm chính trị của các nhà lãnh đạo FTA giữa Trung Quốc và ASEAN sẽ hình thành như thế nào và đem lại lợi ích ra sao cho các bên tham gia? Đó là những vấn đề cần đi sâu tìm lời giải đáp.

I. CƠ SỞ VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CAFTA

1. Cơ sở hình thành ý tưởng xây dựng CAFTA

Một là, toàn cầu hoá kinh tế quốc tế và khuynh hướng AFTA trên thế giới. Hiện nay, xu thế toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ đã thúc đẩy hợp tác quốc tế và khu vực hoá, đem đến cơ

hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của các khu vực, trên thế giới dần dần xuất hiện các khu vực kinh tế như Cộng đồng chung châu Âu, nay là Liên minh châu Âu (EU), Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ, APEC... các khu vực này đi vào hoạt động và đạt được những kết quả rất khả quan. Trước sức ép từ các khu vực mậu dịch tự do trên thế giới và để đối phó với những thách thức của toàn cầu hoá kinh tế, khu vực Đông Á cũng có nhu cầu thành lập khu vực mậu dịch tự do Đông Á, trong đó, khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN là một bước đi tiên phong.

Hai là, nhu cầu nâng cấp hơn nữa hợp tác kinh tế Trung Quốc-ASEAN. Từ những năm 90 thế kỷ XX đến nay, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư song phương giữa Trung Quốc-ASEAN đạt được nhiều thành tựu đáng chú ý, quan hệ thương mại song phương phát triển nhanh chóng, điều đó đã đặt Trung Quốc và ASEAN trước nhu cầu nâng cấp quan hệ hợp tác lên một trình độ mới, chặt chẽ hơn, toàn diện hơn.

Ba là, sáng kiến thành lập CAFTA của Thủ tướng Chu Dung Cơ. Năm 2000, tại Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc-ASEAN (10+1) lần thứ 4, Thủ tướng Chu Dung Cơ đã đề nghị thành lập Nhóm chuyên gia hợp tác kinh tế Trung Quốc-ASEAN chuyên nghiên cứu về tính khả thi của Khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN.

Tất cả các nhân tố trên đây chính là cơ sở để Trung Quốc và ASEAN đi đến quyết định thành lập CAFTA

2. Mục đích của Trung Quốc khi đưa ra ý tưởng CAFTA và phản ứng của các nước ASEAN

CAFTA đối với Trung Quốc vừa mang mục đích kinh tế vừa mang mục đích chính trị. *Về mặt kinh tế*, việc thành lập CAFTA tạo điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc tiếp cận với nguồn tài nguyên phong phú ở các nước ASEAN để đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế trong nước. *Về mặt chính trị*, từ những năm 90 thế kỷ XX, nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh chóng, cạnh tranh với ASEAN trên khắp các thị trường lớn trên thế giới, đặc biệt sau khi gia nhập WTO, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh hơn, làm nảy sinh mối lo ngại từ Trung Quốc trong các nước ASEAN, để làm giảm mối lo ngại đó, Trung Quốc đã đề nghị thành lập một khu vực mậu dịch tự do. Ngoài ra, với việc thành lập CAFTA, Trung Quốc muốn khẳng định là người có vai quang trọng trong khu vực, đi tiên phong trong việc thành lập FTA giữa Trung Quốc với ASEAN - một mô hình để tiến tới thành lập Cộng đồng Đông Á trong tương lai. Ngoài ra, với việc thành lập khu vực mậu dịch tự do với các nước ASEAN, Trung Quốc muốn đẩy lùi ảnh hưởng của Mỹ và làm mờ nhạt dần vai trò của Mỹ ở trong khu vực.

3. Quá trình hình thành CAFTA

3.1. Các hoạt động chuẩn bị

Thành lập Nhóm nghiên cứu Trung Quốc-ASEAN về CAFTA

Tháng 3-2001, Trung Quốc và

ASEAN đã thành lập một nhóm chuyên gia chuyên nghiên cứu về tính khả thi của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN. Kết quả nghiên cứu của nhóm cho thấy, về mặt thương mại, Trung Quốc và ASEAN có tính bổ sung mạnh mẽ, xây dựng CAFTA có thể tăng cường trao đổi thương mại, thúc đẩy hai bên thay đổi cơ cấu ngành, đem lại lợi ích cho cả hai bên. Trên cơ sở đó, tháng 11-2001, tại Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc-ASEAN lần thứ 5, Thủ tướng Chu Dung Cơ chính thức đưa ra ý tưởng xây dựng CAFTA, tại hội nghị lần này, các nhà lãnh đạo hai bên đã đạt được nhận thức chung về việc xây dựng CAFTA và nhất trí nhanh chóng khởi động đàm phán.

3.2. Tình hình xây dựng CAFTA

Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện Trung Quốc - ASEAN

Ngày 4-11-2002, tại Hội nghị thượng đỉnh Trung Quốc - ASEAN lần thứ 6 diễn ra tại Phnôm-pênh (Campuchia), các nhà lãnh đạo các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký “Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện Trung Quốc - ASEAN” (gọi tắt là “Hiệp định khung”), quyết định xây dựng xong CAFTA vào năm 2010 đối với 6 nước thành viên cũ và 2015 đối với 4 nước thành viên mới. Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày 1-1-2003.

Hiệp định khung có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết lập cơ sở pháp lý thống nhất điều chỉnh mọi hoạt động hợp tác kinh tế, thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN, đặc biệt, hai bên đã đề

ra những khung pháp lý đầu tiên cho việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN về sau, ngay sau khi thành lập, đây sẽ là khu vực mậu dịch tự do có số dân đông nhất thế giới với 1,8 tỉ người tiêu dùng và GDP trên 2000 tỷ USD. Việc ký kết Hiệp định khung đánh dấu Khu vực mậu dịch tự do đã chính thức khởi động, đây chính là một kế hoạch toàn diện và đầy đủ để xây dựng CAFTA

3.3. Tình hình triển khai thực tế

Ký hiệp định thương mại hàng hoá (2004)

Ngày 29-11-2004, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN ở Viêngchăn, ASEAN và Trung Quốc đã ký Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN - Trung Quốc (TIG), có hiệu lực từ ngày 1-7-2005. Đây là bước tiến quan trọng thúc đẩy tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN và Trung Quốc, bước đầu hiện thực hoá mục tiêu của các nhà lãnh đạo nêu lên trong Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện Trung Quốc-ASEAN năm 2002. Theo đó, ngày 20-7-2005, hai bên sẽ khởi động kế hoạch giảm thuế đồng loạt đối với trên 7000 loại hàng hoá. Trung Quốc và 6 nước thành viên cũ sẽ giảm hầu hết thuế quan của các loại hàng hoá thuộc danh mục thông thường xuống mức bằng 0 vào năm 2010, bốn nước thành viên mới được kéo dài thời gian giảm thuế đến năm 2015.

Hiệp định thương mại hàng hoá là hiệp định mở đường cho hai bên tiếp tục thảo luận, đi đến nhiều nội dung hợp tác quan trọng khác về thương mại dịch vụ,

khu vực đầu tư ASEAN-Trung Quốc.

Cơ chế giải quyết tranh chấp

Tháng 11-2004, Trung Quốc và ASEAN đã ký “Hiệp định về cơ chế giải quyết tranh chấp”. Cơ chế giải quyết tranh chấp được ký kết tạo ra sự bảo đảm về mặt pháp luật cho CAFTA, nếu không có cơ chế này, cả hai bên sẽ không thể giải quyết được mọi vấn đề phát sinh trong khi thực hiện “Hiệp định khung”, và do vậy, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên sẽ không được phân chia rõ ràng và có sự bảo đảm pháp luật, điều đó gây ảnh hưởng xấu tới quan hệ thương mại song phương trong tương lai. Nguyên tắc cơ bản, phạm vi, trình tự... trong cơ chế giải quyết tranh chấp về cơ bản đều giống với cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, điều đó có ý nghĩa quan trọng trong việc thống nhất và phù hợp với các quy định quốc tế, tạo ra khung pháp lý bảo đảm quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN.

Hiệp định thương mại dịch vụ (2007)

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Trung Quốc-ASEAN lần thứ 10 tổ chức tại Cebu tháng 1-2007, hai bên đã đạt được thoả thuận ký kết Hiệp định mậu dịch dịch vụ, hiệp định có hiệu lực vào tháng 7-2007, theo đó, hai bên sẽ mở cửa hơn nữa các thị trường dịch vụ lẫn nhau. Đồng thời, Trung Quốc sẽ mở cửa 26 lĩnh vực thuộc 5 ngành dịch vụ gồm: xây dựng, bảo vệ môi trường, vận tải, thể thao và trao đổi hàng hoá với các nước ASEAN. Các nước ASEAN cũng cam kết

mở cửa 67 lĩnh vực thuộc 12 ngành: tài chính, y tế, du lịch, vận tải...cho Trung Quốc. Hiệp định “đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng CAFTA và đặt nền móng cho việc hoàn thành đầy đủ và đúng thời hạn các kế hoạch đã đặt ra”⁽¹⁾. Ngoài ra, hai bên cũng đang tích cực triển khai các hoạt động đàm phán nhằm đi đến ký kết hiệp định về tự do đầu tư. Từ những kết quả trên đây có thể thấy một khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN toàn diện gồm cả tự do về thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư đang dần dần hình thành.

II. QUAN HỆ THƯƠNG MẠI TRUNG QUỐC-ASEAN SAU KHI THÀNH LẬP CAFTA

Việc thành lập CAFTA đã tạo ra khung pháp lý thúc đẩy các hoạt động trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN, là chất xúc tác thúc đẩy hai bên tăng cường trao đổi hàng hoá, phát triển kinh tế, khu vực mậu dịch tự do với việc giảm thuế tạo ra hiệu quả sáng tạo mậu dịch, thúc đẩy thương mại tăng trưởng nhanh chóng.

1. Quan hệ thương mại Trung Quốc-ASEAN năm 2002-2003 (ký kết hiệp định khung)

Trước những năm 90 thế kỷ XX, trao đổi thương mại là nòng cốt trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN, hơn nữa, phát triển tương đối chậm, thời kỳ sau những năm 90 quan hệ thương mại song phương phát triển nhanh hơn. Việc ký kết Hiệp định khung về hợp tác kinh tế

toàn diện trong đó đề cập tới vấn đề thành lập khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN vào năm 2010 đã tạo tiền đề thúc đẩy thương mại song phương tăng trưởng nhanh chóng. Năm 2001, kim ngạch thương mại song phương đạt 41,6 tỉ USD, tăng 5,3% so với năm 2000. Năm 2002, kim ngạch thương mại Trung Quốc - ASEAN đạt 54,77 tỷ USD, từ chỗ chiếm 8,2% đã tăng lên 8,8% trong tổng kim ngạch ngoại thương Trung Quốc, đưa ASEAN trở thành bạn hàng thương mại lớn thứ 5 của Trung Quốc sau Nhật Bản, Mỹ, EU, Hồng Kông⁽²⁾.

Ngày 1-1-2003 "Hiệp định khung" chính thức có hiệu lực, tạo khung pháp

lý cho việc đẩy mạnh trao đổi thương mại song phương. Nhờ đó, kim ngạch thương mại không ngừng tăng cao, năm 2003, kim ngạch thương mại Trung Quốc - ASEAN tăng lên tới 78,25 tỉ USD, tăng 42,8% so với năm 2002, cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng thương mại giữa Trung Quốc với các đối tác thương mại chính là Nhật Bản, Mỹ..., giá trị xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc đạt 47,3 tỷ USD, giá trị nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc vào ASEAN đạt 30,9 tỷ USD, lần lượt tăng 51,7% và 31,2% so với năm 2002⁽³⁾.

Bảng 1: Tỷ trọng thương mại xuất nhập khẩu của Trung Quốc với ASEAN trong tổng kim ngạch thương mại của Trung Quốc (%)

Năm	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Tỷ trọng xuất nhập khẩu của TQ với ASEAN trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của TQ	7,3	7,5	8,3	8,2	8,8	9,2	9,2
Tỷ trọng xuất khẩu của TQ sang ASEAN trong tổng kim ngạch xuất khẩu của TQ	6,1	6,2	7,0	6,9	7,2	7,1	7,2
Tỷ trọng nhập khẩu của TQ từ ASEAN trong tổng kim ngạch nhập khẩu của TQ	9,0	9,0	9,9	9,5	10,6	11,5	11,2

Nguồn: Niên giám thống kê Trung Quốc từ 2000-2005.

Từ tình hình xuất nhập khẩu của Trung Quốc và ASEAN (Bảng 1) có thể thấy, tỷ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu với ASEAN trong tổng kim ngạch xuất

nhập khẩu của Trung Quốc có xu hướng tăng lên. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc sang các nước ASEAN từ chỗ năm 1998 chiếm 6,1% tổng kim

ngạch xuất khẩu của Trung Quốc, năm 2004 đã tăng lên 7,2%; trong khi đó, tỉ trọng nhập khẩu của Trung Quốc từ các nước ASEAN năm 1998 chiếm 9,0% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, năm 2004 đã tăng lên chiếm 11,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của nước này. Điều đáng chú ý là từ năm 1998 đến năm 2000, thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN diễn ra trong điều kiện hàng rào thuế quan song phương tương đối cao, từ sau năm 2001, thương mại hàng hoá giữa Trung Quốc và ASEAN có xu hướng tăng trưởng rõ rệt, điều đó có mối liên quan chặt chẽ tới việc giảm thuế trong khuôn khổ CAFTA.

2. Quan hệ thương mại trong giai đoạn thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm

Để các nước thành viên được hưởng lợi sớm hơn từ CAFTA, Trung Quốc đã đề ra Chương trình Thu hoạch sớm (EHP) với việc giảm thuế gần 600 mặt hàng nông nghiệp là những mặt hàng có lợi thế của cả hai bên. Hiệp định này có hiệu lực ngay từ ngày 1 tháng 1 năm 2004, theo đó, thuế quan của tất cả các loại hàng hoá trong danh mục EHP phải giảm xuống 0% vào năm 2006 đối với các nước thành viên cũ và năm 2008 đối với các nước thành viên mới.

Với việc giảm mạnh thuế quan đối với các mặt hàng trong Chương trình Thu hoạch sớm, trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN đã tăng lên nhanh chóng. Năm 2004, kim ngạch thương mại song phương đạt 105,9 tỉ USD, nhìn chung tỉ lệ tăng trưởng là

38,9%/năm trong giai đoạn 2002-2004⁽⁴⁾. Trong đó, Trung Quốc xuất khẩu 42,9 tỉ USD, tăng 38,7%, nhập khẩu 63 tỉ USD, tăng 33,1%. Giá trị hàng hoá trao đổi thuộc Chương trình Thu hoạch sớm năm 2003 là 1,55 tỉ USD, năm 2004 đã tăng lên xấp xỉ 2 tỉ USD, tăng 29% so với năm 2003⁽⁵⁾. Trên cơ sở đó, năm 2005 đã chứng kiến sự tăng trưởng mới trong thương mại song phương với kim ngạch thương mại đạt 130,4 tỉ USD, tăng 23% so với năm 2004. Việc thực hiện tốt Chương trình Thu hoạch sớm đã củng cố hơn nữa niềm tin về việc thúc đẩy xây dựng FTA giữa hai bên, tăng cường trao đổi thương mại, hàng hoá nằm trong Chương trình Thu hoạch sớm có tỉ lệ tăng trưởng xuất nhập khẩu tương đối cao gồm rau, quả, thủy sản.

Đối với Trung Quốc, Chương trình Thu hoạch sớm mang lại lợi ích thiết thực cho nước này. Năm 2004, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá thuộc Chương trình Thu hoạch sớm đạt 1,97 tỉ USD, tăng 39,8% so với năm 2003, trong đó, Trung Quốc nhập 1,15 tỉ USD, tăng 46,6%, xuất khẩu 820 triệu USD, tăng 31,2%. So sánh với năm 2003, khi chưa thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm, xuất khẩu quả của Trung Quốc sang ASEAN có xu hướng giảm sút, tỉ lệ tăng trưởng âm 33%, từ đó làm nổi bật vai trò của Chương trình Thu hoạch sớm đối với phát triển ngoại thương Trung Quốc⁽⁶⁾. Sau khi thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm, lượng hàng hoá nông sản của ASEAN vào Trung Quốc tăng lên, giá thành giảm, người tiêu dùng Trung Quốc được hưởng lợi. Song, sau hai năm

thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm, bên cạnh những lợi ích thu được, ngành nông nghiệp Trung Quốc cũng phải chịu tác động nhất định, đặc biệt là các loại nông sản nhiệt đới, ôn đới của các tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam, Vân Nam...

Đối với các nước thành viên ASEAN, lợi ích thu được từ việc thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm giữa các nước thành viên ASEAN là khác nhau. Các nước ASEAN cũ, đặc biệt là Thái Lan, Malaixia là những nước được hưởng lợi nhiều nhất, còn các nước thành viên ASEAN mới, trong đó có Việt Nam lại đứng trước sức ép xuất khẩu nông sản phẩm giảm sút.

Tóm lại, Chương trình Thu hoạch sớm thực hiện thành công đã làm tăng cường lòng tin của Trung Quốc và các nước ASEAN trong việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do, đặt cơ sở vững chắc cho các hiệp định về khu vực mậu dịch tự do trong tương lai. Tuy nhiên, lợi ích do Chương trình Thu hoạch sớm đem lại là khác nhau giữa Trung Quốc, các nước thành viên cũ và thành viên mới, trong khi Trung Quốc và các nước thành viên cũ thu lợi nhiều thì các nước thành viên mới đứng trước sức ép nặng nề.

3. Quan hệ thương mại Trung Quốc - ASEAN trong giai đoạn giảm thuế đồng loạt

Từ ngày 1-7-2005, Trung Quốc và sáu nước thành viên ASEAN cũ là Brunây, Malaixia, Indônêxia, Myanma, Xinggapo và Thái Lan đã cắt giảm thuế quan đối với 7455 loại hàng hoá trong khuôn khổ “Hiệp định thương mại và hàng hoá”.

Theo đó, đến năm 2010, Trung Quốc và sáu nước thành viên ASEAN cũ sẽ thực hiện mức thuế quan bằng không đối với hầu hết các loại hàng hoá nằm trong danh mục thông thường, các nước thành viên ASEAN mới sẽ thực hiện mức thuế quan bằng không vào năm 2015. Trên thực tế, Trung Quốc đã giảm thuế đối với 3408 chủng loại hàng hoá, bao gồm cả các hàng hoá nằm trong danh mục ưu đãi thuế quan thuộc “Chương trình Thu hoạch sớm”. Việc giảm thuế đồng loạt đã thắt chặt hơn nữa quan hệ kinh tế, thương mại song phương giữa Trung Quốc và ASEAN, đem lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng và doanh nghiệp của cả Trung Quốc và các nước ASEAN. Theo Hiệp định thương mại hàng hoá ký kết năm 2004, tỉ lệ thuế quan của Trung Quốc đối với hàng hoá của các nước ASEAN đã giảm từ 9,9% xuống 8,1%, giảm xuống 6,6% vào năm 2007 và 2,4% năm 2009. Đến năm 2010, 93% hàng hoá Trung Quốc nhập khẩu từ các nước ASEAN sẽ được hưởng mức thuế bằng không.

Ngày 20-7-2006 kỷ niệm tròn một năm thực hiện “Hiệp định thương mại hàng hoá Trung Quốc - ASEAN”, có thể thấy, ảnh hưởng của hiệp định đã được thể hiện rõ, kết quả đạt được đúng như mong đợi. Điều đó thể hiện ở thương mại của Trung Quốc với ASEAN tăng trưởng nhanh chóng. Theo số liệu thống kê của hải quan Trung Quốc, kim ngạch thương mại Trung Quốc - ASEAN năm 2006 đạt 160,84 tỉ USD, tăng 30,47 tỉ USD so với năm 2005, tăng trưởng 23,4%. Trong đó, xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN

đạt 71,31 tỉ USD, tăng trưởng 28,8%, Trung Quốc nhập khẩu từ các nước ASEAN đạt 89,5 tỉ USD, tăng trưởng 19,4%, thâm hụt thương mại của Trung Quốc là 18,21 tỉ USD, giảm nhẹ so với mức 19,63 tỉ USD năm 2005⁽⁷⁾. Xét về tổng thể, tình hình thực hiện “Hiệp định hàng hoá” đã diễn ra thuận lợi, hiệu quả của CAFTA ngày càng thể hiện rõ.

III. TRIỂN VỌNG KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO TRUNG QUỐC-ASEAN

1. Những nhân tố quốc tế và khu vực tác động tới quan hệ Trung Quốc-ASEAN

1.1. Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của CAFTA

Ở cấp độ toàn cầu, bối cảnh toàn cầu ổn định, thế giới đi vào xu thế hoà bình và phát triển. Sau chiến tranh lạnh, cùng với sự tan rã của Liên Xô, cục diện đối đầu giữa hai cực Xô-Mỹ không còn nữa, các nước chuyển hướng trọng tâm vào phát triển kinh tế. Do vậy, hoà bình thế giới được củng cố, khả năng xảy ra chiến tranh thế giới trong thời gian tới là khó có thể. ASEAN và Trung Quốc cũng không nằm ngoài xu thế đó, tăng cường hợp tác kinh tế, trao đổi thương mại sẽ phát triển nhanh chóng hơn, điều đó thúc đẩy CAFTA hình thành và phát triển.

Ở cấp độ khu vực, bối cảnh khu vực hoà bình, chính trị ổn định. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, châu Á-Thái Bình Dương bước vào thời kỳ ổn định, chiến tranh và xung đột lớn không xảy ra tại khu vực này. Trong bối cảnh chính trị ổn định, các nước trong khu vực tập

trung phát triển kinh tế, dưới tác động của toàn cầu hoá, xu hướng khu vực hoá diễn ra mạnh mẽ khiến cho hợp tác khu vực ngày càng trở nên đa dạng hơn với nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ và nhiều hình thức khác nhau. Ngoài ra, kinh tế ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương tăng trưởng tương đối cao, với các nền kinh tế phát triển năng động. Trong hơn 10 năm qua, kinh tế khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã tăng trưởng gần 50%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế các khu vực khác trên thế giới⁽⁸⁾. Ngoài ra, châu Á-Thái Bình Dương còn được biết đến với những nền kinh tế năng động vào bậc nhất thế giới như: Nhật Bản, gần đây là sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ, các nền kinh tế châu Á-Thái Bình Dương đã có những đóng góp quan trọng thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thế giới.

Về phía các chủ thể, đối với Trung Quốc, nền kinh tế tăng trưởng cao. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, thế giới đã chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc. Năm 2005, GDP của Trung Quốc đạt 2.229 tỷ USD, vượt qua Italia, Pháp và Anh, trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trên thế giới⁽⁹⁾. Đến năm 2006, tổng GDP của Trung Quốc đạt 20.940 tỷ NDT (tương đương với 2.600 tỷ USD), tăng 10,7% so với năm 2005, tiếp tục đà tăng trưởng cao đạt 2 con số trong 4 năm liên⁽¹⁰⁾. Đến hết năm 2006, dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã đạt mức trên 1000 tỷ USD, không chỉ trở thành quốc gia có mức dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới mà còn là quốc gia đầu tiên trên thế giới có mức dự trữ ngoại tệ

vượt quá 1000 tỷ USD. Về ngoại thương, Trung Quốc hiện là nước lớn thương mại đứng thứ ba trên thế giới, theo số liệu của Cục thống kê Trung Quốc, thặng dư thương mại của Trung Quốc năm 2007 đạt mức kỷ lục là 262,2 tỷ USD, trở thành nước thặng dư thương mại lớn thứ hai thế giới, sau Đức⁽¹¹⁾.

ASEAN hình thành Cộng đồng vào năm 2015. Tại hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 9 tổ chức ở Bali đầu tháng 10-2003, các nước thành viên ASEAN tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 dựa trên 3 trụ cột: hợp tác chính trị an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá xã hội. Tại Hội nghị cấp cao ASEAN-12 tổ chức tại Cebu (tháng 1-2007), các nhà lãnh đạo đã thống nhất rút ngắn thời gian hình thành Cộng đồng xuống năm 2015, Hiến chương ASEAN cũng đã được soạn thảo. Theo đó, ASEAN đang chuyển dần từ nguyên tắc đồng thuận, không can thiệp vào nội bộ của nhau sang một cơ chế trách nhiệm cộng đồng, mỗi thành viên đều phải tuân thủ Hiến chương của Cộng đồng.

1.2. Các nhân tố gây trở ngại tới sự phát triển của CAFTA

1.2.1. Các nhân tố chủ quan

Vấn đề tranh chấp biên giới lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp trên Biển Đông. Biển Đông là nơi có trữ lượng dầu mỏ phong phú, là khu vực tranh chấp giữa một số nước ASEAN và Trung Quốc, đây là vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại nên rất khó giải quyết, lâu nay luôn là trở ngại trên con đường tăng cường hợp

tác giữa Trung Quốc với ASEAN. Tháng 11-2002, Trung Quốc và ASEAN ký “Tuyên bố về hành vi ứng xử của các bên ở Biển Đông”, nhấn mạnh giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, đặt cơ sở pháp lý quan trọng cho việc triển khai hợp tác giữa các bên ở Biển Đông. Tháng 3-2005, Trung Quốc, Philippin và Việt Nam đã ký kết “Thoả thuận ba bên khảo sát địa chấn chung tại Biển Đông”. Những hành động đó chứng tỏ hai bên đã bắt đầu có thiện chí giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hoà bình, nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất đồng lớn, vì tranh chấp quyền lợi biển thường gắn chặt với lợi ích kinh tế, những gì đụng chạm đến lợi ích của các quốc gia thường khó giải quyết, đòi hỏi hai bên phải cố gắng tìm biện pháp thích hợp mà cả Trung Quốc và ASEAN đều có thể chấp nhận được.

Sự khác biệt về chế độ kinh tế-chính trị và chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế. ASEAN là một khối liên kết lảng lẻo với trình độ phát triển kinh tế chênh lệch lớn, thể chế kinh tế và chính trị, tôn giáo...rất khác nhau. Trình độ phát triển kinh tế của các nước thành viên ASEAN chênh lệch rất lớn, mức chênh lệch GDP giữa các thành viên ASEAN lên tới 100 lần, vượt xa so với mức chênh lệch 16 lần giữa các nước thành viên EU và 30 lần đối với các nước thành viên của khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ⁽¹²⁾. Do trình độ phát triển kinh tế khác nhau nên các mục tiêu chiến lược, thời gian đặt ra đối với từng nước trong việc thực hiện những cam kết của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN cũng rất khác nhau, trong quá trình

thành lập CAFTA, phải quan tâm đến các nước này. Hơn nữa, nền kinh tế các nước ASEAN là các nền kinh tế hướng ngoại, chủ yếu dựa vào xuất khẩu, bản thân các nước trong khối không thể lôi kéo nền kinh tế của cả khối ASEAN phát triển nhanh được, những đặc điểm phát triển kinh tế này của các nước ASEAN gây trở ngại tới việc xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc- ASEAN.

1.2.2. Các nhân tố khách quan

Cạnh tranh của các nền kinh tế tại khu vực. Quan hệ Trung Quốc - ASEAN gia tăng đã thúc đẩy quan hệ giữa ASEAN với các đối tác khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ... gia tăng. Ngay sau khi ASEAN và Trung Quốc đạt được thoả thuận về FTA song phương, Nhật Bản cũng đề xuất ký một FTA với ASEAN nhằm tạo ra một Hiệp định đối tác toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP). Tháng 10-2003, Nhật Bản và ASEAN đã ký hiệp định khung FTA, thoả thuận xây dựng xong khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Nhật Bản vào năm 2012. Bên cạnh đó, khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Hàn Quốc, Ấn Độ cũng đang trong quá trình đàm phán. Mỹ cũng tăng cường quan hệ kinh tế thương mại song phương với các nước ASEAN. Hiện Mỹ đã trở thành đối tác mậu dịch lớn nhất của ASEAN với tư cách là một tổng thể và là đối tác thương mại lớn nhất của Thái Lan trong năm 2005⁽¹³⁾. Sự tăng cường về quan hệ kinh tế cũng như việc ký kết các hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các đối tác trên có thể làm tăng sự ly tâm trong quan hệ với Trung Quốc, gây trở ngại tới tiến trình

CAFTA. Trong bối cảnh hiện nay, ASEAN cần tăng cường liên kết thành một cộng đồng chặt chẽ hơn, thu hẹp khoảng cách phát triển hơn, tiến gần nhau hơn về mặt chính trị, kết hợp hài hoà được mối quan hệ giữa ASEAN-Trung Quốc và ASEAN với các đối tác khác.

Niềm tin giữa hai bên vẫn chưa sâu sắc. Từ sau khủng hoảng tài chính năm 1997, đặc biệt trong những năm đầu thế kỷ XXI, quan hệ Trung Quốc - ASEAN ngày càng chặt chẽ, sự tin cậy lẫn nhau cũng ngày càng tăng lên, nhưng sự lo ngại về Trung Quốc vẫn tồn tại trong các nước ASEAN. Trung Quốc đã nhiều lần nhấn mạnh “sự ủng hộ của Trung Quốc cho ASEAN là chân thành, cùng có lợi và không kèm theo điều kiện chính trị nào”⁽¹⁴⁾ nhưng mối lo ngại về Trung Quốc” vẫn chưa mờ nhạt hẳn trong các nước ASEAN, điều này là có căn cứ khi các tranh chấp về biên giới lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp Biển Đông vẫn còn đó, thêm vào đó, trong những năm gần đây, Trung Quốc lại tăng cường chi phí đầu tư vào lực lượng hải quân. Vì vậy, trong quan hệ với Trung Quốc, ASEAN luôn giữ khoảng cách và mong muốn Mỹ có mặt trong khu vực để làm lực lượng cân bằng ảnh hưởng với Trung Quốc ở Đông Nam Á. Điều này ở một chừng mực nào đó đã ảnh hưởng tới quá trình hình thành CAFTA.

2. Triển vọng CAFTA trong thời gian tới

Quan hệ chính trị Trung Quốc-ASEAN đang phát triển theo hướng tốt đẹp và ngày càng hoàn thiện, bất đồng

nhỏ, lợi ích chung lớn. Sự phát triển tốt đẹp trong quan hệ hai bên được quyết định bởi nhiều nhân tố, trong đó cơ bản nhất vẫn là hai bên đều có thái độ tích cực, cùng mong muốn xây dựng mối quan hệ Trung Quốc-ASEAN ngày càng hoàn thiện hơn, do đó, cả Trung Quốc và ASEAN đều đang nỗ lực cải thiện và phát triển quan hệ song phương một cách chủ động chứ không phải là kế sách thích nghi tạm thời như trước đây. Có thể dự báo 3 kịch bản về CAFTA trong tương lai

Kịch bản 1: CAFTA sẽ hình thành nhanh hơn kế hoạch

Kịch bản 2: CAFTA sẽ hình thành đúng theo kế hoạch

Kịch bản 3: CAFTA hình thành chậm hơn kế hoạch

Dựa trên phân tích các nhân tố thúc đẩy và kìm hãm có thể dự báo, kịch bản thứ 2 có khả năng xảy ra nhất, tức là CAFTA sẽ hình thành đúng theo kế hoạch đã đặt ra.

Trên cơ sở quan hệ chính trị tốt đẹp, thương mại song phương sẽ tăng trưởng nhanh, việc điều chỉnh cơ cấu thương mại diễn ra mạnh mẽ hơn và từng bước hợp lý hoá. Thời gian quá độ của Trung Quốc trong WTO đã hết, Trung Quốc đang đẩy mạnh việc điều chỉnh kết cấu ngành và nền kinh tế Trung Quốc cũng đang tăng trưởng nhanh chóng. Trong những năm gần đây và trong thời gian tới, ngành chế tạo của Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, dẫn đến việc gia tăng nhập khẩu nguyên vật liệu để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Mặt khác, do tính bổ sung về mặt kinh tế giữa Trung Quốc và

ASEAN lớn, Trung Quốc có lợi thế hơn hẳn các nước ASEAN về các sản phẩm dệt may, giấy da, thực phẩm, vật liệu xây dựng, trong khi đó ASEAN có lợi thế về sản xuất thực phẩm, nông sản, năng lượng và hàng điện tử. Do vậy, thương mại song phương sẽ tiếp tục được mở rộng hơn nữa, dẫn đến cơ cấu thương mại cũng được đổi mới, xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh của hai bên sẽ tăng nhanh, tỉ trọng các sản phẩm điện cơ, đặc biệt là hàng hoá kỹ thuật cao sẽ tăng lên rõ rệt trong tổng kim ngạch thương mại song phương. Theo dự đoán, sau khi thành lập CAFTA, xuất khẩu của Trung Quốc sang ASEAN sẽ tăng 10,6 tỉ USD, tăng 55%. Xuất khẩu của ASEAN sang Trung Quốc sẽ tăng 13 tỷ USD, tăng 48%. Các lĩnh vực hợp tác cũng sẽ ngày càng mở rộng, hiện nay Trung Quốc và ASEAN đã bước vào giai đoạn giảm thuế đồng loạt để tiến tới thực hiện thuế quan bằng 0 vào năm 2010, có thể dự đoán, hợp tác kinh tế sẽ bước vào giai đoạn phát triển mới, thương mại dịch vụ cũng từng bước được mở rộng, phương thức đầu tư ngày càng đa dạng. CAFTA hình thành không chỉ mang ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn mang ý nghĩa chính trị to lớn, tạo cơ sở để hai bên tin tưởng lẫn nhau, thúc đẩy cùng phát triển.

3. Quan hệ thương mại Việt-Trung trong bối cảnh hình thành CAFTA

Hợp tác kinh tế- thương mại giữa Trung Quốc với ASEAN cũng tạo ra những thời cơ thuận lợi và đem đến cả những thách thức đối với Việt Nam, đặc

biệt trong quan hệ thương mại với Trung Quốc. Là nước thành viên của ASEAN, lại là một nước láng giềng có chung đường biên giới dài với Trung Quốc, việc hình thành CAFTA sẽ là cơ hội lớn để Việt Nam tăng cường hợp tác toàn diện với Trung Quốc. Về mặt lý thuyết, CAFTA tạo điều kiện cho Việt Nam thâm nhập thị trường Trung Quốc khổng lồ, tăng cường xuất khẩu các loại sản phẩm truyền thống như các loại khoáng sản, nông lâm thủy sản. Tuy nhiên, trên thực tế, trong quan hệ với Trung Quốc, vị thế cạnh tranh của Việt Nam còn yếu nên chưa thu được nhiều kết quả từ tiến trình thực hiện hiệp định, điều đó được thể hiện qua các khía cạnh sau đây:

Thâm hụt thương mại với Trung Quốc đang gia tăng, đặc biệt rõ nét hơn sau khi CAFTA được ký kết. Trong những năm gần đây, kim ngạch thương mại Việt - Trung tăng trưởng tương đối lớn, năm 2004 và 2005, Trung Quốc trở thành bạn hàng lớn nhất của Việt Nam⁽¹⁵⁾. Song, so với các nước khác trong khu vực Việt Nam gặt hái được rất ít từ những cơ hội kinh doanh với Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc tăng trưởng nhưng không bằng tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc vào Việt Nam nên từ xuất siêu với Trung Quốc năm 1990, những năm gần đây lại nhập siêu với Trung Quốc ngày càng nhiều. Năm 2003, Việt Nam nhập siêu với Trung Quốc 1,4 tỷ USD, năm 2004 lên tới 1,8 tỷ⁽¹⁶⁾, năm 2005 là 3,09 tỷ USD, năm 2006 là 4,97 tỷ USD, năm 2007 là 8,68 tỷ USD⁽¹⁷⁾.

Ngoài ra, do trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam chênh lệch nhiều so với các nước ASEAN khác nên kết quả của CAFTA đối với Việt Nam còn rất ít. Về cơ cấu ngành, trong khi các nước ASEAN-6 có quan hệ hàng ngang với Trung Quốc, hai bên cùng đẩy mạnh xuất khẩu hàng công nghiệp sang thị trường của nhau thì quan hệ thương mại Việt-Trung lại vẫn diễn ra theo hàng dọc. Mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vẫn là nguyên liệu, nông sản, các sản phẩm gia công như than đá, dầu mỏ, quặng, gỗ, cao su chiếm 70% kim ngạch. Các loại sản phẩm khác như nông sản rau quả nhiệt đới, hải sản chiếm khoảng 20% kim ngạch, 10% kim ngạch còn lại là các sản phẩm công nghiệp chế tạo như đồ nội thất, mạch điện tử, sản phẩm nhựa, dệt may, giày dép. Hiện nay thuế quan của rất nhiều mặt hàng công nghiệp của Việt Nam đang rất cao mà hàng Trung Quốc vẫn thâm nhập vào được, khi thuế quan cắt giảm, hàng công nghiệp của Trung Quốc sẽ có điều kiện thâm nhập thị trường Việt Nam hơn nữa, đặt các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước thách thức lớn.

Kết luận

Qua nghiên cứu về quan hệ thương mại Trung Quốc - ASEAN trong bối cảnh hình thành CAFTA, có thể rút ra mấy điểm sau:

1. Việc thành lập khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN là một cột mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN, nó không chỉ đem lại nhiều lợi ích về mặt kinh tế

cho hai thực thể mà còn tạo điều kiện tăng cường quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực chính trị, ngoại giao và các lĩnh vực khác. Đối với Trung Quốc, CAFTA mang cả mục đích kinh tế lẫn chính trị, một mặt Trung Quốc tích cực thúc đẩy đàm phán song phương, dựa trên cơ sở đàm phán khu vực mậu dịch tự do song phương để đạt được lợi ích kinh tế, mặt khác lại đẩy mạnh quan hệ với cả khối ASEAN nhằm thực hiện lợi ích về mặt chính trị. Về phía các nước ASEAN, trong chiến lược phát triển của mình, ASEAN coi trọng phát triển quan hệ với Trung Quốc, việc thắt chặt quan hệ với Trung Quốc giúp ASEAN cân bằng chiến lược với các cường quốc khác ở khu vực.

2. Đến nay, khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN đã bước vào giai đoạn giảm thuế toàn diện. Thời gian tuy chưa nhiều nhưng có thể đánh giá khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN đã hình thành đúng theo thời gian đã được hai bên vạch ra, đồng thời, CAFTA mang lại lợi ích cho cả hai bên. Nguyên nhân sâu xa để đạt được những thành tựu trên là do cơ sở kinh tế chính trị và sự cố gắng của cả hai bên trong việc thúc đẩy xây dựng khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN. Trong quá trình triển khai xây dựng khu vực mậu dịch tự do, hai bên cũng gặp phải không ít thách thức từ bên trong cũng như bên ngoài khu vực. Tuy nhiên, lợi ích chung lớn hơn so với bất đồng, cơ hội hợp tác lớn hơn thách thức, do đó triển vọng phát

triển của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN rất sáng sủa.

3. Trong bối cảnh hình thành CAFTA, quan hệ thương mại Việt-Trung có những bước tiến triển rõ rệt. Cùng với quan hệ ngoại giao ngày càng sâu sắc, quan hệ thương mại song phương cũng phát triển nhanh chóng, Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn nhất của Việt Nam đồng thời cũng là nguồn gốc nhập siêu lớn của Việt Nam. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quan hệ thương mại song phương cũng vẫn còn một số vấn đề nổi cộm cần giải quyết, trong đó nổi bật nhất là vấn đề thâm hụt thương mại, Việt Nam nhập siêu nhiều từ Trung Quốc. Để đứng vững trên thị trường nội địa và giảm thiểu tổn thất do cạnh tranh với hàng hoá Trung Quốc gây ra, các doanh nghiệp Việt Nam phải tìm biện pháp nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, nâng cao trình độ quản lý của doanh nghiệp, đầu tư hiện đại hoá khoa học kỹ thuật, bên cạnh đó phải đi sâu tìm hiểu luật pháp và các chính sách ngoại thương của Trung Quốc, đặc biệt là chính sách đối với các nước ASEAN trong khuôn khổ CAFTA. Có thể dự đoán, trong tương lai, cùng với việc hình thành khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN, thiết lập "một trục hai cánh", "một vành đai hai hành lang" giữa hai nước được triển khai, tạo ra đầy đủ điều kiện cho trao đổi hàng hoá giữa hai nước, đưa thương mại song phương bước lên một tầm cao mới.

CHÚ THÍCH

1. Bài phát biểu của Thủ tướng Ôn Gia Bảo tại Hội nghị Thượng đỉnh Trung Quốc-ASEAN-10 tại Cebu ngày 14-1-2007.

2. Tác động của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc - ASEAN đối với Việt Nam, Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Hà Nội, tháng 6 năm 2006, tr. 41.

3. Tác động của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN đối với Việt Nam, Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, Hà Nội, tháng 6 - 2006, tr. 42.

4. Joint Media Statement of the Fourth ASEAN Economic Ministers and the Minister of Commerce of the People's Republic of China Consulation (AEM-MOFCOM), Vientiane, 29 September 2005, aseansec.org

5. Raul L. Cordenillo, The Economic Benefits to ASEAN of the ASEAN-China Free Trade Area (ACFTA) [1], <http://www.aseansec.org/17310.htm>

6. 李延陵, 关于实施“早期收获计划”的对策建议, 东南亚纵横, 7/2006, 页. 16

7. 李红, 2006-2007 年中国-东盟货物贸易分析与预测, 东南亚纵横, 3/2007, 页. 21

8. Tang Ren Wu, *Phải chăng “Thế kỷ châu Á-Thái Bình Dương” đã thực sự xuất hiện*, Viện Thông tin Khoa học xã hội. Tài liệu phục vụ nghiên cứu, số TN 2001-67.

9. Hồ Càn Văn, *Tình hình Trung Quốc năm 2006 và quan hệ Việt Nam-Trung Quốc*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1/2007, tr. 3-8

10. Nguyễn Huy Quý, *Trung Quốc năm 2006*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 2/2007, tr. 3-12.

11. Cục Thống kê Trung Quốc năm 2007.

12. 李荣林, 宫占奎, 孟夏, *中国与东盟自由贸易区研究*, 天津大学出版社, 天津, 2007

13. *Đông Nam Á và sự can dự của Mỹ*, Bài viết đăng trên mạng trực tuyến của nhóm phân tích Nam Á. Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 3-4-2007, tr. 4.

14. Bài phát biểu của Thủ tướng Ôn Gia Bảo tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN+3 diễn ra tại Kuala Lumpur tháng 12-2005. Tài liệu Tham khảo đặc biệt, TTXVN ngày 17-12-2005.

15. Đỗ Tiến Sâm, *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, nhìn lại 15 năm và triển vọng*, bài viết tại Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển hai hành lang một vành đai kinh tế Việt-Trung trong khuôn khổ hợp tác ASEAN-Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức, Hải Phòng, 2006.

16. Như 12

17. Lê Tuấn Thanh (2007), *Nhìn lại vấn đề nhập siêu của Việt Nam trong thương mại với Trung Quốc*, Nghiên cứu Đông Nam Á, số 12 (93), tr. 47.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hữu Đức (2005): *Hình thành CAFTA và vấn đề xuất khẩu nông sản của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Quan hệ ASEAN-Trung Quốc với phát triển thị trường và thương mại Việt Nam, Hà Nội.
2. Võ Đại Lộc: *Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc-Hướng phát triển và các vấn đề*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 1-2006
3. Nguyễn Thu Mỹ: *15 năm quan hệ ASEAN-Trung Quốc: Nhìn lại và triển vọng*, bài viết tại Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển hai hành lang một vành đai kinh tế Việt-Trung trong khuôn khổ hợp tác ASEAN-Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức, Hải Phòng, 2006
4. Nguyễn Huy Quý, *Trung Quốc năm 2006*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 2-2007
5. Trịnh Thị Thanh Thủy, *Các giải pháp để Việt Nam khai thác tối đa những lợi ích thương mại từ chương trình thu hoạch sớm trong khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN*, Bộ thương mại, Hà Nội, 2005
6. Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế, *Tác động của khu vực mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN đối với Việt Nam*, Hà Nội, tháng 6 - 2006
7. Hồ Càn Văn, *Tình hình Trung Quốc năm 2006 và quan hệ Việt Nam-Trung Quốc*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 1 - 2007
8. Chia Siow Yue, *ASEAN-China Free Trade Area*, Singapore Institute of International Affairs, Paper for presentation at the AEP Conference, Hong Kong, 12-13 April, 2004
9. Framework Agreement on Comprehensive Economic Co-Operation Between the Association of South East Asian Nations and the People's Republic of China' <http://www.aseansec.org/13196.htm>
10. Joint Media Statement of the Fourth ASEAN Economic Ministers and the Minister of Commerce of the People's Republic of China Consultation (AEM-MOFCOM), Vientiane, 29 September 2005, aseansec.org
11. 崔日明, *中国-东盟自由贸易区: 从构想到现实*, 国际经济合作, 11/2002
12. 杜丁丁, *整体还是个体: 中国东盟建设自由贸易区应持何态度*, 东南亚纵横, 9/2003
13. 古小松主编, *中国-东盟自由贸易区与广西*, 广西人民出版社, 南宁, 2002
14. 李荣林, 宫占奎, 孟夏, *中国-东盟自由贸易区研究*, 天津大学出版社, 天津, 2007
15. 李延陵, *关于实施“早期收获计划”的对策建议*, 东南亚纵横, 7/2006
16. 李红, *2006-2007年中国-东盟货物贸易分析与预测*, 东南亚纵横, 3/2007
17. 非德尔-拉莫斯, *中国-东盟自由贸易区: 挑战, 机遇与潜力*, 世界经济与政治, 2004年第1期